

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 79/2000/QĐ-UBCK

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2000

QUYẾT ĐỊNH

CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC SỐ 79/2000/QĐ-UBCK NGÀY 29 THÁNG 12 NĂM 2000 VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY CHẾ THÀNH VIÊN, NIÊM YẾT, CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02 tháng 3 năm 1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;
Căn cứ Nghị định số 75/CP ngày 28 tháng 11 năm 1996 của Chính phủ về việc thành lập Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
Căn cứ Nghị định số 48/1998/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 1998 của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
Căn cứ Quyết định số 127/1998/QĐ-TTg ngày 11 tháng 7 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trung tâm giao dịch chứng khoán;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Phát triển thị trường chứng khoán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Thành viên, niêm yết, công bố thông tin và giao dịch chứng khoán.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký và thay thế Quyết định số 04/1999/QĐ-UBCK1 ngày 27 tháng 3 năm 1999 và Quyết định số 42/2000/QĐ-UBCKI ngày 12 tháng 6 năm 2000 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Phát triển thị trường, Giám đốc Trung tâm giao dịch chứng khoán, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các bên liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nguyễn Đức Quang

(Đã ký)

QUY CHẾ

THÀNH VIÊN, NIÊM YẾT, CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 79/2000/QĐ/UBCK ngày 29/12/2000 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)

Chương 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này quy định về thành viên, niêm yết, công bố thông tin và giao dịch chứng khoán.

Điều 2. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đại diện giao dịch là người được thành viên của Trung tâm giao dịch chứng khoán đề cử và được Trung tâm giao dịch chứng khoán chấp thuận làm đại diện thực hiện nhiệm vụ giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán.
2. Tổ chức niêm yết là tổ chức phát hành có chứng khoán được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán.
3. Tách cổ phiếu là việc tăng số lượng cổ phiếu lưu hành theo một tỷ lệ quy định mà không làm tăng thêm vốn cổ phần của tổ chức niêm yết và không làm thay đổi tỷ lệ nắm giữ của cổ đông.
4. Gộp cổ phiếu là việc giảm số lượng cổ phiếu lưu hành theo một tỷ lệ quy định mà không làm giảm vốn cổ phần của tổ chức niêm yết và không làm thay đổi tỷ lệ nắm giữ của cổ đông.
5. Hệ thống giao dịch là hệ thống máy tính dùng cho hoạt động giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán.
6. Hệ thống chuyển lệnh là hệ thống thực hiện việc chuyển các lệnh giao dịch từ thành viên Trung tâm giao dịch chứng khoán đến Trung tâm giao dịch chứng khoán.
7. Giá thực hiện là giá chứng khoán được xác định từ kết quả khớp lệnh.
8. Giá mở cửa là giá thực hiện tại lần khớp lệnh đầu tiên trong ngày giao dịch.
9. Giá đóng cửa là giá thực hiện tại lần khớp lệnh cuối cùng trong ngày giao dịch. Trong trường hợp không có giá thực hiện trong ngày giao dịch, giá đóng cửa là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất.
10. Biên độ dao động giá là khoảng dao động giá chứng khoán quy định trong ngày giao dịch so với giá tham chiếu.
11. Giá tham chiếu là mức giá làm cơ sở cho việc tính giới hạn dao động giá chứng khoán.
12. Lệnh giới hạn là lệnh mua hoặc bán chứng khoán do người đầu tư đưa ra cho người môi giới thực hiện theo mức giá chỉ định hoặc tốt hơn.
13. Công bố thông tin định kỳ là việc công bố thông tin vào những thời điểm quy định.
14. Công bố thông tin tức thời là việc công bố thông tin ngay sau khi xảy ra các sự kiện quan trọng, có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán hoặc lợi ích của người đầu tư.
15. Công bố thông tin theo yêu cầu là việc công bố thông tin khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán yêu cầu.
16. Trạm đầu cuối là các thiết bị đầu vào và đầu ra dùng để nhận hoặc chuyển thông tin.
17. Giá trị tài sản ròng của quỹ đầu tư chứng khoán là tổng giá trị của các tài sản và các khoản đầu tư do quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại thời điểm tính toán.
18. Tài sản ròng của tổ chức niêm yết là tổng tài sản có trừ đi các khoản nợ phải trả của tổ chức phát hành tại thời điểm tính toán.
19. Cổ phiếu ngân quỹ là cổ phiếu đã phát hành và được mua, bán lại trên thị trường bởi chính tổ chức phát hành.

Chương 2

THÀNH VIÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Điều 3. Thành viên Trung tâm giao dịch chứng khoán (gọi tắt là thành viên) là công ty chứng khoán có giấy phép hoạt động môi giới, hoặc tự doanh và đã đăng ký với Trung tâm giao dịch chứng khoán. Chỉ thành viên mới được giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán.

Điều 4. Công ty chứng khoán muốn làm thành viên phải gửi Trung tâm giao dịch chứng khoán hồ sơ đăng ký, bao gồm:

1. Đơn đăng ký làm thành viên Trung tâm giao dịch chứng khoán;
2. Bản sao giấy phép hoạt động chứng khoán của công ty;
3. Bản sao giấy phép hành nghề của các nhân viên kinh doanh của công ty.

Điều 5. Thành viên có các nghĩa vụ sau đây:

1. Tuân thủ các quy định về hoạt động kinh doanh chứng khoán của Trung tâm giao dịch chứng khoán;
2. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Trung tâm giao dịch chứng khoán;
3. Nộp phí thành viên, phí giao dịch, phí sử dụng hệ thống giao dịch;
4. Nộp các khoản đóng góp lập quỹ hỗ trợ thanh toán;
5. Báo cáo Trung tâm giao dịch chứng khoán:
 - a) Tình hình hoạt động và tình hình tài chính theo các quy định của Quy chế về tổ chức và hoạt động của công ty chứng khoán;
 - b) Giao dịch chứng khoán hàng tháng trong thời hạn 5 ngày đầu của tháng tiếp theo;
 - c) Việc hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, chuyển đổi và thành lập chi nhánh; thành viên ngừng hoạt động một phần hoặc toàn bộ; cơ cấu lại công ty (nếu có);
 - d) Các thông tin có liên quan đến hoạt động của thành viên khi Trung tâm giao dịch chứng khoán yêu cầu;
 - e) Khi phát hiện các hoạt động vi phạm pháp luật liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán.
6. Ngoài các báo cáo quy định tại khoản 5 Điều này, thành viên phải báo cáo Trung tâm giao dịch chứng khoán trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra các sự kiện sau đây:
 - a) Tăng hoặc giảm vốn điều lệ;
 - b) Lạm vào tình trạng phá sản hoặc giải thể;
 - c) Nộp đơn xin tuyên bố phá sản;
 - d) Là nguyên đơn hoặc bị đơn của một vụ án;
 - e) Tài khoản của thành viên tại ngân hàng bị đình chỉ, phong tỏa, hoặc lệnh đình chỉ, phong tỏa đã được hủy bỏ;
 - f) Chuyển trụ sở chính, khai trương, đóng cửa hoặc chuyển trụ sở văn phòng chi nhánh;

g) Giám đốc hoặc nhân viên kinh doanh của thành viên là đối tượng chịu sự điều tra của cơ quan pháp luật hoặc chịu phán quyết của Tòa án.

Điều 6. Thành viên có các quyền sau đây:

1. Sử dụng hệ thống giao dịch và các dịch vụ do Trung tâm giao dịch chứng khoán cung cấp;
2. Thu các loại phí cung cấp dịch vụ cho khách hàng theo quy định của pháp luật;
3. Đề nghị Trung tâm giao dịch chứng khoán làm trung gian hòa giải khi có tranh chấp liên quan đến hoạt động kinh doanh chứng khoán;
4. Được rút khỏi thành viên sau khi được Trung tâm giao dịch chứng khoán chấp thuận.

Điều 7.

1. Thành viên cử đại diện giao dịch thực hiện nhiệm vụ giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán. Đại diện giao dịch phải là nhân viên kinh doanh của thành viên và được Trung tâm giao dịch chứng khoán cấp thẻ đại diện giao dịch. Thẻ đại diện giao dịch có giá trị 2 năm và được cấp lại theo đề nghị của thành viên.
2. Đại diện giao dịch khi tiến hành các hoạt động của mình tại Trung tâm giao dịch chứng khoán phải tuân thủ các quy định của Trung tâm giao dịch chứng khoán.
3. Thành viên chịu trách nhiệm đối với mọi hành vi liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán của đại diện giao dịch của mình tại Trung tâm giao dịch chứng khoán.

Điều 8.

1. Thẻ đại diện giao dịch bị thu hồi trong các trường hợp sau:
 - a) Trung tâm giao dịch chứng khoán phát hiện có sự gian lận trong việc xin cấp thẻ đại diện giao dịch;
 - b) Đại diện giao dịch không thực hiện nhiệm vụ trong vòng 1 tháng mà không có lý do;
 - c) Đại diện giao dịch bị thu hồi giấy phép hành nghề;
 - d) Thành viên yêu cầu Trung tâm giao dịch chứng khoán thu hồi thẻ đại diện giao dịch.
 - e) Đại diện giao dịch vi phạm nghiêm trọng quy định của Trung tâm giao dịch chứng khoán.
2. Đại diện giao dịch chỉ được xin cấp lại thẻ sau 6 tháng kể từ ngày bị thu hồi thẻ.

Điều 9.

1. Thành viên không được giao dịch chứng khoán niêm yết bên ngoài Trung tâm giao dịch chứng khoán, trừ trường hợp mua chứng khoán lô lẻ của khách hàng. Thành viên chỉ được mua chứng khoán lô lẻ theo danh sách cổ đông đã đăng ký với Trung tâm giao dịch chứng khoán.
2. Thành viên nhận lệnh của khách hàng tại trụ sở chính, chi nhánh hoặc các địa điểm giao dịch được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Điều 10. Trước khi mở tài khoản, thực hiện dịch vụ cho khách hàng, thành viên phải ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng theo Quy chế về tổ chức và hoạt động của công ty chứng khoán. Thành viên phải lưu giữ hồ sơ khách hàng và cung cấp những thông tin cần thiết khi có yêu cầu của Trung tâm giao dịch chứng khoán và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 11.

1. Trước khi nhập lệnh vào hệ thống giao dịch, thành viên phải kiểm tra ký quỹ trên tài khoản của khách hàng theo các quy định về ký quỹ bảo đảm tại khoản 1 Điều 57 Quy chế này.
2. Thành viên yêu cầu khách hàng điền vào phiếu lệnh ngay trong ngày thực hiện giao dịch. Phiếu lệnh của khách hàng được lưu giữ theo quy định hiện hành của pháp luật.
3. Thành viên lập và lưu giữ sổ nhận lệnh. Sổ nhận lệnh có các nội dung sau:
 - a) Các lệnh trong ngày, gồm các lệnh nhận được từ trụ sở chính, chi nhánh và các địa điểm giao dịch được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;
 - b) Các lệnh giao dịch được thực hiện trong ngày.

Điều 12. Thành viên gửi thông báo cho khách hàng bằng văn bản xác nhận kết quả thực hiện lệnh giao dịch của khách hàng ngay trong ngày thực hiện giao dịch. Văn bản xác nhận kết quả thực hiện lệnh được lập thành 2 bản chính, 1 bản gửi cho khách hàng, 1 bản lưu tại trụ sở của thành viên.

Điều 13. Hàng tháng hoặc theo yêu cầu của khách hàng, thành viên phải gửi cho từng khách hàng bản sao kê tài khoản tiền và chứng khoán trong thời hạn 5 ngày đầu của tháng tiếp theo hoặc sau 5 ngày, kể từ ngày có yêu cầu.

Điều 14.

1. Trường hợp khách hàng muốn bán các chứng khoán đang nắm giữ dưới hình thức chứng chỉ, thành viên yêu cầu khách hàng nộp các chứng chỉ chứng khoán trước khi đặt lệnh. Khi khách hàng nộp các chứng chỉ chứng khoán, thành viên phải giao cho khách hàng biên lai nhận chứng chỉ chứng khoán và thực hiện lưu ký tại Trung tâm giao dịch chứng khoán theo Quyết định số 05/1999/QĐ-UBCK3 ngày 27/3/1999 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành Quy chế Lưu ký, thanh toán bù trừ và đăng ký chứng khoán và các quy định của Trung tâm giao dịch chứng khoán.
2. Trường hợp khách hàng muốn rút các chứng chỉ chứng khoán đang có trên tài khoản, theo đơn đề nghị của khách hàng, thành viên có trách nhiệm làm thủ tục rút chứng khoán theo quy định của Trung tâm giao dịch chứng khoán và giao lại các chứng chỉ chứng khoán cho khách hàng hoặc người được khách hàng ủy quyền.

Chương 3**NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN**

Điều 15. Chứng khoán niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán bao gồm:

1. Trái phiếu Chính phủ;
2. Cổ phiếu đã đăng ký niêm yết với Trung tâm giao dịch chứng khoán
3. Trái phiếu doanh nghiệp đã đăng ký niêm yết với Trung tâm giao dịch chứng khoán;
4. Chứng chỉ quỹ đầu tư đã đăng ký niêm yết với Trung tâm giao dịch chứng khoán.

Điều 16.

1. Tổ chức phát hành muốn niêm yết cổ phiếu, trái phiếu lần đầu phải gửi Trung tâm giao dịch chứng khoán hồ sơ đăng ký niêm yết, bao gồm:

- a) Đơn đăng ký niêm yết;
- b) Bản sao giấy phép phát hành do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp;
- c) Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu, trái phiếu ra công chúng;
- d) Sổ theo dõi cổ đông hay chủ sở hữu trái phiếu của tổ chức phát hành;
- e) Bản sao bản cáo bạch và bản cáo bạch tóm tắt đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

2. Sau 5 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm giao dịch chứng khoán nhận đủ hồ sơ đăng ký niêm yết, chứng khoán của tổ chức phát hành được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán.

3. Trường hợp đăng ký niêm yết sau 1 năm kể từ ngày được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép phát hành, ngoài hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức phát hành gửi Trung tâm giao dịch chứng khoán các báo cáo tài chính trong 2 năm liên tục gần nhất, bao gồm: bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, thuyết minh báo cáo tài chính (kèm theo ý kiến kiểm toán độc lập). Trung tâm giao dịch chứng khoán xem xét giải quyết trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ xin phép niêm yết.

4. Việc niêm yết trái phiếu Chính phủ được thực hiện như sau: Cơ quan được Chính phủ ủy nhiệm phát hành (Bộ Tài chính, Kho bạc nhà nước) gửi hồ sơ đăng ký niêm yết với Trung tâm giao dịch chứng khoán, bao gồm:

- a) Công văn đề nghị niêm yết;
- b) Báo cáo kết quả đợt phát hành (loại trái phiếu, khối lượng, mệnh giá, lãi suất, thời gian đáo hạn và danh sách người sở hữu trái phiếu). Sau 5 ngày kể từ khi nộp hồ sơ, trái phiếu Chính phủ sẽ được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán.

Điều 17

1. Công ty quản lý quỹ muốn niêm yết chứng chỉ quỹ đầu tư phải gửi Trung tâm giao dịch chứng khoán hồ sơ đăng ký niêm yết, bao gồm:

- a) Đơn đăng ký niêm yết;
- b) Bản sao giấy phép hoạt động công ty quản lý quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp;
- c) Bản sao giấy phép lập quỹ và phát hành chứng chỉ quỹ đầu tư do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp;
- d) Báo cáo kết quả chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư ra công chúng;
- e) Sổ theo dõi những người sở hữu chứng chỉ quỹ đầu tư

2. Sau 5 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm giao dịch chứng khoán nhận đủ hồ sơ đăng ký, chứng chỉ quỹ đầu tư được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán.

Điều 18

1. Tổ chức phát hành phát hành chứng khoán ngoài quy định tại Nghị định số 48/1998/NĐ-CP của Chính phủ, muốn niêm yết chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán, sau khi đã đăng ký lại theo quy định tại Mục XI Thông tư số 01/1998/TT-UBCK ban hành ngày 13/10/1998 hướng dẫn Nghị định số 48/1998/NĐ-CP về phát hành cổ phiếu, trái phiếu ra công chúng, phải gửi Trung tâm giao dịch chứng khoán hồ sơ đăng ký niêm yết, bao gồm:

- a) Đơn đăng ký niêm yết;
- b) Bản sao văn bản chấp thuận đăng ký lại do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp;
- c) Sổ theo dõi cổ đông hay chủ sở hữu trái phiếu của tổ chức phát hành;
- d) Bản sao bản cáo bạch và bản cáo bạch tóm tắt đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

2. Sau 5 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm giao dịch chứng khoán nhận đủ hồ sơ đăng ký niêm yết, chứng khoán của tổ chức phát hành được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán.

Điều 19.

1. Tổ chức niêm yết muốn niêm yết bổ sung cổ phiếu phải gửi Trung tâm giao dịch chứng khoán hồ sơ đăng ký niêm yết bổ sung, bao gồm:

- a) Đơn đăng ký niêm yết bổ sung;
- b) Bản sao giấy phép phát hành bổ sung do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp;
- c) Báo cáo kết quả chào bán ra công chúng của đợt phát hành bổ sung;
- d) Sổ theo dõi cổ đông.

2. Sau 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký niêm yết bổ sung, cổ phiếu phát hành bổ sung được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán.

Điều 20.

1. Trường hợp thay đổi tên, tách hoặc gộp cổ phiếu, tổ chức niêm yết phải gửi Trung tâm giao dịch chứng khoán hồ sơ đăng ký, bao gồm:

- a) Đơn đăng ký thay đổi niêm yết;
- b) Chi tiết thay đổi tên, tách hoặc gộp cổ phiếu (tỷ lệ tách hoặc gộp, thời gian tách hoặc gộp, số lượng cổ phiếu lưu hành).

2. Sau 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ xin đăng ký thay đổi niêm yết, việc thay đổi niêm yết có hiệu lực.

Điều 21.

1. Tổ chức niêm yết có chứng khoán bị hủy bỏ niêm yết muốn xin niêm yết lại phải gửi Trung tâm giao dịch chứng khoán hồ sơ xin niêm yết lại, bao gồm:

- a) Đơn xin niêm yết lại;
- b) Sổ theo dõi cổ đông hay chủ sở hữu trái phiếu của tổ chức phát hành;
- c) Báo cáo tài chính trong 2 năm liên tục gần nhất, bao gồm: bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, thuyết minh báo cáo tài chính (kèm theo ý kiến kiểm toán độc lập).

2. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Trung tâm giao dịch chứng khoán xem xét giải quyết.

3. Tổ chức niêm yết có chứng khoán bị hủy bỏ niêm yết không được xem xét niêm yết lại trong vòng 2 năm kể từ ngày chứng khoán bị hủy bỏ niêm yết.

Điều 22. Tổ chức phát hành quy định tại khoản 3 Điều 16 và Điều 21 Quy chế này được niêm yết chứng khoán nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Mức vốn điều lệ tối thiểu là 10 tỷ đồng Việt Nam;
2. Hoạt động kinh doanh có lãi trong 2 năm liên tục gần nhất tính đến ngày xin phép niêm yết hoặc niêm yết lại; tình hình tài chính lành mạnh; có triển vọng phát triển;
3. Tối thiểu 20% vốn cổ phần của tổ chức phát hành phải do trên 100 người đầu từ ngoài tổ chức phát hành nắm giữ; trường hợp vốn cổ phần của tổ chức phát hành từ 100 tỷ đồng Việt Nam trở lên thì tỷ lệ này là 15% vốn cổ phần của tổ chức phát hành (nếu là cổ phiếu);
4. Tối thiểu 20% tổng giá trị trái phiếu phải do trên 100 người đầu tư nắm giữ; trường hợp tổng giá trị trái phiếu xin phép phát hành từ 100 tỷ đồng Việt Nam trở lên thì tỷ lệ này là 15% tổng giá trị trái phiếu phát hành (nếu là trái phiếu);
5. Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính trong 2 năm liên tục gần nhất tính đến ngày xin phép niêm yết hoặc niêm yết lại phải là chấp nhận toàn bộ hoặc chấp nhận có ngoại trừ;
6. Các nguyên nhân bị hủy bỏ niêm yết đã được khắc phục (đối với trường hợp xin phép niêm yết lại).

Điều 23.

1. Trường hợp bị hủy bỏ niêm yết theo quy định tại Điều 27 Quy chế này, công ty quản lý quỹ muốn niêm yết lại chứng chỉ quỹ đầu tư, phải gửi Trung tâm giao dịch chứng khoán hồ sơ, bao gồm:
 - a) Đơn đăng ký niêm yết;
 - b) Sổ theo dõi những người sở hữu chứng chỉ quỹ đầu tư;
 - c) Báo cáo chứng minh đã khắc phục nguyên nhân bị hủy bỏ niêm yết.
2. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, Trung tâm giao dịch chứng khoán xem xét giải quyết.
3. Công ty quản lý quỹ không được xem xét niêm yết lại trong vòng 2 năm kể từ ngày bị hủy bỏ niêm yết.

Điều 24. Công ty quản lý quỹ quy định tại Điều 23 Quy chế này được niêm yết lại chứng chỉ quỹ đầu tư nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Giá trị tài sản ròng của quỹ lớn hơn 5 tỷ đồng Việt Nam;
2. Tình hình tài chính lành mạnh; có triển vọng phát triển;
3. Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính về quỹ trong 2 năm liên tục gần nhất tính đến ngày xin niêm yết lại phải là chấp nhận toàn bộ hoặc chấp nhận có ngoại trừ;
4. Các nguyên nhân bị hủy bỏ niêm yết đã được khắc phục.

Điều 25. Tổ chức niêm yết, công ty quản lý quỹ phải nộp đủ phí theo quy định hiện hành.

Điều 26. Cổ phiếu, trái phiếu bị hủy bỏ niêm yết trong các trường hợp sau:

1. Tổ chức niêm yết bị phá sản hoặc giải thể;

2. Tổ chức niêm yết ngừng các hoạt động kinh doanh chính từ 1 năm trở lên hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép hoạt động chính;
3. Ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính của tổ chức niêm yết trong 2 năm liên tiếp là không chấp thuận hoặc từ chối cho ý kiến;
4. Tổ chức niêm yết cố tình hoặc thường xuyên vi phạm quy định về công bố thông tin;
5. Tổ chức niêm yết không nộp báo cáo năm trong 2 năm liên tiếp;
6. Không có giao dịch cổ phiếu hoặc trái phiếu niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán trong vòng 1 năm;
7. Tài sản ròng của tổ chức niêm yết có số âm trong 2 năm liên tiếp;
8. Không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 22 Quy chế này quá 1 năm (nếu là cổ phiếu);
9. Không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 22 Quy chế này quá 1 năm (nếu là trái phiếu);
10. Thời hạn thanh toán còn lại của trái phiếu ít hơn 2 tháng; hoặc trái phiếu được tổ chức phát hành mua lại toàn bộ trước thời gian đáo hạn;
11. Tổ chức niêm yết nộp đơn xin hủy bỏ niêm yết và được Trung tâm giao dịch chứng khoán chấp thuận;
12. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy cần thiết phải hủy bỏ niêm yết để bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư.

Điều 27. Chứng chỉ quỹ đầu tư bị hủy bỏ niêm yết trong những trường hợp sau:

1. Quỹ bị giải thể;
2. Công ty quản lý quỹ cố tình hoặc thường xuyên vi phạm quy định về công bố thông tin;
3. Không có giao dịch chứng chỉ quỹ đầu tư niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán trong vòng 1 năm;
4. Giá chứng chỉ quỹ đầu tư giảm trên 20% mỗi năm trong 2 năm liên tiếp;
5. Số người đầu tư là dưới 100 người trong thời hạn quá 1 năm;
6. Thời gian hoạt động còn lại của quỹ còn lại là 2 tháng;
7. Công ty quản lý quỹ nộp đơn xin hủy bỏ niêm yết và được Trung tâm giao dịch chứng khoán chấp thuận;
8. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy cần thiết phải hủy bỏ niêm yết để bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư.

Điều 28.

1. Tổ chức niêm yết hoặc công ty quản lý quỹ muốn hủy bỏ niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán phải gửi Trung tâm giao dịch chứng khoán hồ sơ, bao gồm:
 - a) Đơn xin hủy bỏ niêm yết, trong đó nêu rõ lý do xin hủy bỏ niêm yết;
 - b) Nghị quyết của đại hội cổ đông hủy bỏ niêm yết

2. Sau 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ nêu tại khoản 1 Điều này, Trung tâm giao dịch chứng khoán chấp thuận hoặc từ chối đơn xin hủy bỏ niêm yết.

3. Trước khi hủy bỏ niêm yết 15 ngày, Trung tâm giao dịch chứng khoán công bố cho công chúng đầu tư và thông báo cho tổ chức niêm yết, công ty quản lý quỹ có liên quan về ngày và nguyên nhân hủy bỏ niêm yết.

Điều 29. Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết được đưa vào danh sách chứng khoán bị kiểm soát trong các trường hợp sau:

1. Tổ chức niêm yết bị đình chỉ hoạt động kinh doanh chính từ 3 tháng đến dưới 1 năm;
2. Ý kiến kiểm toán về các báo cáo tài chính năm của tổ chức niêm yết là không chấp nhận hoặc từ chối cho ý kiến lần thứ nhất;
3. Tổ chức niêm yết vi phạm quy định về công bố thông tin;
4. Tổ chức niêm yết không nộp báo cáo năm lần thứ nhất;
5. Tài sản ròng của tổ chức niêm yết có số âm;
6. Không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 22 Quy chế này (nếu là cổ phiếu)
7. Không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 22 Quy chế này (nếu là trái phiếu);
8. Cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp không được giao dịch trong vòng 3 tháng.

Điều 30. Chứng chỉ quỹ đầu tư niêm yết được đưa vào danh sách chứng khoán bị kiểm soát trong các trường hợp sau:

1. Công ty quản lý quỹ không nộp báo cáo năm lần thứ nhất;
2. Công ty quản lý quỹ vi phạm quy định về công bố thông tin;
3. Số người sở hữu chứng chỉ quỹ đầu tư của quỹ là dưới 100 người;
4. Chứng chỉ quỹ đầu tư không được giao dịch trong vòng 3 tháng.

Chương 4

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 31.

1. Trung tâm giao dịch chứng khoán, tổ chức niêm yết và công ty quản lý quỹ công bố thông tin theo quy định tại Quy chế này.
2. Việc công bố thông tin của tổ chức niêm yết công ty quản lý quỹ do nhân viên công bố thông tin thực hiện.
3. Tổ chức niêm yết, công ty quản lý quỹ phải chỉ định nhân viên công bố thông tin và nộp Trung tâm giao dịch chứng khoán hồ sơ nhân viên công bố thông tin gồm sơ yếu lý lịch cá nhân và giấy ủy quyền của tổ chức niêm yết.
4. Trường hợp thay đổi nhân viên công bố thông tin, tổ chức niêm yết, công ty quản lý quỹ phải báo cáo Trung tâm giao dịch chứng khoán bằng văn bản.

Điều 32.

1. Tổ chức niêm yết phải báo cáo Trung tâm giao dịch chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả hoạt động kinh doanh, vốn, tài sản, doanh thu, lợi nhuận, thuế... hàng quý và 6 tháng trong vòng 15 ngày đầu của quý, tháng tiếp theo;
2. Tổ chức niêm yết phải công bố báo cáo năm trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, bao gồm: bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính theo mẫu quy định hiện hành (có kèm theo ý kiến của cơ quan kiểm toán được chấp thuận); báo cáo tổng hợp;
3. Trường hợp tổ chức niêm yết sở hữu từ 50% trở lên vốn cổ phần của một tổ chức khác, hoặc 50% trở lên vốn cổ phần của tổ chức niêm yết được nắm giữ bởi một tổ chức khác, thì báo cáo tài chính phải gồm cả báo cáo tài chính của các tổ chức đó;
4. Các báo cáo năm quy định tại khoản 2, 3 Điều này của tổ chức niêm yết phải được gửi Trung tâm giao dịch chứng khoán và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; công bố trong ấn phẩm thường niên của tổ chức niêm yết và công bố tóm tắt trên 2 số liên tục của 1 tờ báo Trung ương;
5. Báo cáo năm phải được lưu giữ trong 2 năm tại bộ phận công bố thông tin của Trung tâm giao dịch chứng khoán để các nhà đầu tư tham khảo.

Điều 33.

1. Tổ chức niêm yết phải công bố thông tin tức thời khi:
 - a) Tài khoản tại ngân hàng bị đình chỉ, phong tỏa; hoặc lệnh phong tỏa đã được hủy bỏ và tài khoản đã được phép hoạt động trở lại;
 - b) Lạm vào tình trạng phá sản hoặc quyết định giải thể;
 - c) Quyết định việc hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, chuyển đổi doanh nghiệp;
 - d) Hoạt động kinh doanh bị ngừng quá 3 tháng, bị đình chỉ hoặc khi hoạt động trở lại; sản phẩm chính bị đình chỉ tiêu thụ;
 - e) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép hoạt động bị thu hồi;
 - f) Bị thiệt hại từ 10% trở lên giá trị vốn cổ phần;
 - g) Bị khởi tố về những vấn đề liên quan đến tổ chức niêm yết;
 - h) Quyết định về việc chi trả cổ tức;
 - i) Quyết định thay đổi mục tiêu kinh doanh;
 - j) Quyết định đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh có giá trị từ 10% trở lên tổng vốn cổ phần;
 - k) Quyết định áp dụng công nghệ mới hoặc chuyển giao công nghệ; mua hoặc bán tài sản cố định có giá trị từ 10% trở lên tổng vốn cổ phần;
 - l) Quyết định đầu tư vào cổ phiếu của một tổ chức khác có giá trị từ 10% trở lên tổng vốn cổ phần của tổ chức niêm yết;
 - m) Quyết định tách, gộp cổ phiếu hoặc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ; quyết định mua hoặc bán lại cổ phiếu của mình; quyết định ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu, hoặc ngày thực hiện chuyển đổi sang cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi;

- n) Cơ quan thuế điều tra việc vi phạm luật thuế, khi có phán quyết của tòa án liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty;
 - o) Ký kết hợp đồng vay nợ hoặc phát hành trái phiếu có giá trị từ 30% trở lên tổng vốn cổ phần;
 - p) Phát hành cổ phiếu thưởng hoặc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức có giá trị từ 10% trở lên vốn cổ phần;
 - q) Triệu tập đại hội cổ đông (kể cả đại hội thường niên và đại hội bất thường), thời gian, chương trình và kết quả đại hội; thay đổi giám đốc, địa chỉ trụ sở chính, tên tổ chức
 - r) Nộp đơn xin hủy bỏ niêm yết;
 - s) Xảy ra những sự kiện khác có thể ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán hoặc lợi ích người đầu tư;
 - t) Cổ đông sáng lập, thành viên Hội đồng quản trị hoặc người hiện đang nắm giữ các chức vụ chủ chốt của tổ chức niêm yết (Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng....) muốn mua hoặc bán cổ phiếu của tổ chức niêm yết đó.
2. Tổ chức niêm yết phải báo cáo ngay bằng văn bản về các sự kiện quy định tại khoản 1 Điều này cho Trung tâm giao dịch chứng khoán trong vòng 24 giờ tính từ thời điểm xảy ra sự kiện; và phải công bố các sự kiện đó trên 1 tờ báo trung ương, 1 tờ báo địa phương nơi tổ chức niêm yết có trụ sở chính trong vòng 3 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện đó.
3. Trung tâm giao dịch chứng khoán công bố các sự kiện nêu tại khoản 1 Điều này trên các phương tiện công bố thông tin của mình. Riêng các trường hợp quy định tại các điểm n, r, s, Trung tâm giao dịch chứng khoán phải công bố các sự kiện này trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 34.

1. Tổ chức niêm yết phải công bố thông tin theo yêu cầu của Trung tâm giao dịch chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi:
- a) Có tin đồn liên quan đến tổ chức niêm yết, ảnh hưởng đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận tin đồn đó;
 - b) Giá và khối lượng giao dịch chứng khoán niêm yết thay đổi bất thường.
2. Tổ chức niêm yết phải công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này trong vòng 24 giờ tính từ thời điểm Trung tâm giao dịch chứng khoán hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước yêu cầu trên 1 tờ báo trung ương, 1 tờ báo địa phương nơi tổ chức có trụ sở chính; và phải báo cáo Trung tâm giao dịch chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng văn bản.
3. Trung tâm giao dịch chứng khoán quy định cụ thể nội dung công bố thông tin theo yêu cầu đối với tổ chức niêm yết.

Điều 35.

1. Công ty quản lý quỹ phải công bố các báo cáo định kỳ hàng quý, 6 tháng và hàng năm.
2. Báo cáo định kỳ hàng năm phải có nội dung sau:
- a) Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính của công ty quản lý quỹ (kèm theo ý kiến của cơ quan kiểm toán được chấp thuận) theo mẫu quy định hiện hành.

- b) Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc), cơ cấu cổ đông chính, cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty quản lý quỹ;
- c) Các thay đổi khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của công ty;
- d) Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và thuyết minh báo cáo tài chính của từng quỹ theo mẫu quy định hiện hành;
- e) Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận của quỹ trong kỳ báo cáo;
- f) Tài sản ròng của quỹ và giá chứng chỉ quỹ đang lưu hành của quỹ tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo;
- g) Thay đổi người điều hành quỹ;
- h) Những quyết định quan trọng liên quan đến chính sách đầu tư của quỹ.

3. Các báo cáo quy định tại điểm d, e và f khoản 2 Điều này phải có xác nhận của ngân hàng giám sát quỹ

4. Báo cáo năm được công bố trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

5. Các báo cáo định kỳ quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này của công ty quản lý quỹ phải được gửi Trung tâm giao dịch chứng khoán và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, được công bố trong ấn phẩm thường niên của công ty quản lý quỹ và công bố tóm tắt trên 2 số liên tục của 1 tờ báo trung ương.

6. Báo cáo năm phải được lưu giữ trong 2 năm tại bộ phận công bố thông tin của Trung tâm giao dịch chứng khoán để các nhà đầu tư tham khảo.

Điều 36.

1. Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin tức thời khi:

- a) Bị đình chỉ hoạt động;
- b) Quyết định hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, chuyển đổi công ty;
- c) Bị tổn thất từ 10% trở lên vốn cổ phần;
- d) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành bị khởi tố,
- e) Lâm vào tình trạng phá sản hay quyết định giải thể;
- f) Quyết định đóng cửa hoặc mở chi nhánh;
- g) Có những thay đổi quan trọng trong hoạt động kinh doanh có thể ảnh hưởng đến việc quản lý quỹ;
- h) Tài sản ròng của quỹ giảm 10% so với tài sản ròng của quỹ tại thời điểm quỹ được đăng ký thành lập chính thức;
- i) Thay đổi ngân hàng giám sát quỹ;
- f) Thay đổi công ty quản lý quỹ;
- k) Sửa đổi, bổ sung điều lệ quỹ;
- l) Giải thể quỹ.

2. Công ty quản lý quỹ phải báo cáo các sự kiện quy định tại khoản 1 Điều này với Trung tâm giao dịch chứng khoán trong vòng 24 giờ tính từ thời điểm xảy ra sự kiện và phải công bố trên 1 tờ báo trung ương, 1 tờ báo địa phương, nơi công ty có trụ sở chính trong vòng 3 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện đó.

Điều 37.

1. Công ty quản lý quỹ phải thực hiện công bố thông tin theo yêu cầu của Trung tâm giao dịch chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi:

- a) Có tin đồn có thể ảnh hưởng đến giá chứng chỉ quỹ đầu tư và cần phải xác nhận tin đồn đó;
- b) Giá và khối lượng giao dịch chứng chỉ quỹ đầu tư thay đổi bất thường.

2. Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này trong vòng 24 giờ tính từ thời điểm Trung tâm giao dịch chứng khoán hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước yêu cầu trên 1 tờ báo trung ương, 1 tờ báo địa phương nơi tổ chức có trụ sở chính; và phải báo cáo Trung tâm giao dịch chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng văn bản. Trung tâm giao dịch chứng khoán quy định cụ thể nội dung công bố thông tin theo yêu cầu đối với công ty quản lý quỹ.

Điều 38.

1. Trường hợp việc công bố thông tin không thể thực hiện đúng thời hạn vì những lý do bất khả kháng, tổ chức niêm yết, công ty quản lý quỹ phải báo cáo Trung tâm giao dịch chứng khoán và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải thực hiện việc công bố thông tin trong thời hạn ngắn nhất.

2. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Trung tâm giao dịch chứng khoán có thể xem xét và chấp thuận việc không công bố hoặc tạm hoãn công bố khi:

- a) Thông tin có thể ảnh hưởng đến an ninh quốc phòng và lợi ích quốc gia;
- b) Thông tin có thể làm lộ bí mật kinh doanh, làm tổn hại đến tổ chức niêm yết;
- c) Thông tin có thể gây hiểu lầm và ảnh hưởng đến lợi ích của người đầu tư.

Điều 39. Tổ chức niêm yết, công ty quản lý quỹ và người có liên quan không được:

- 1. Công bố thông tin sai sự thật;
- 2. Công bố thay đổi nội dung thông tin quan trọng đã công bố mà không giải thích và không báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung tâm giao dịch chứng khoán;
- 3. Công bố thông tin trái ngược và phủ nhận các thông tin đã công bố trước đó;
- 4. Sử dụng thông tin chưa được công bố để mua bán chứng khoán.

Điều 40. Trung tâm giao dịch chứng khoán có trách nhiệm công bố các thông tin sau:

1. Thông tin về giao dịch trên thị trường bao gồm:

- a) Giá của chứng khoán giao dịch (bao gồm giá mở cửa, đóng cửa, cao nhất và thấp nhất) trong ngày giao dịch;
- b) Khối lượng giao dịch;
- c) Giá trị giao dịch;

- d) Kết quả giao dịch lô lớn (tên chứng khoán, giá và khối lượng giao dịch);
- e) Giao dịch mua hoặc bán lại cổ phiếu của chính tổ chức niêm yết (tên cổ phiếu, giá và khối lượng giao dịch).

2. Thông tin về lệnh giao dịch trên thị trường bao gồm:

- a) Giá chào mua, chào bán tốt nhất;
- b) Quy mô đặt lệnh giao dịch;
- c) Số lượng lệnh mua hoặc lệnh bán.

3. Thông tin về chỉ số giá chứng khoán niêm yết bao gồm:

- a) Chỉ số giá cổ phiếu tổng hợp;
- b) Bình quân giá cổ phiếu;
- c) Chỉ số giá trái phiếu.

4. Thông tin quản lý thị trường bao gồm:

- a) Đình chỉ giao dịch hoặc cho phép giao dịch trở lại đối với chứng khoán niêm yết;
- b) Công bố ngày giao dịch không được nhận cổ tức lãi trái phiếu hoặc ngày giao dịch không được hưởng các quyền kèm theo;
- c) Các chứng khoán thuộc diện bị kiểm soát;
- d) Hủy niêm yết một loại chứng khoán hoặc khi cho phép niêm yết lại chứng khoán đó;
- e) Đình chỉ thành viên hoặc cho phép thành viên hoạt động trở lại;
- f) Các thông tin khác liên quan đến việc quản lý thị trường.

5. Thông tin về tình hình thị trường bao gồm:

- a) Tình hình giao dịch của 5 cổ phiếu hàng đầu;
- b) Quy mô đặt lệnh giao dịch của 5 cổ phiếu hàng đầu;
- c) Dao động giá cổ phiếu hàng ngày;
- d) Cổ phiếu có giá đóng cửa đạt tới mức giới hạn trần hoặc sàn;
- e) Các thông tin thống kê cần thiết khác.

6. Thông tin về các tổ chức niêm yết, công ty quản lý quỹ bao gồm:

- a) Tình hình tài chính;
- b) Tên chứng khoán, số lượng, mệnh giá, giá phát hành;
- c) Các biện pháp xử phạt hành chính liên quan đến chứng khoán;
- d) Các thông tin khác.

7. Thông tin về thành viên bao gồm:

- a) Hoạt động giao dịch
- b) Xử phạt thành viên;

c) Thông tin khác.

8. Thông tin về các nhà đầu tư bao gồm:

a) Tổ chức, cá nhân thực hiện giao dịch làm thay đổi việc nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc không còn nắm giữ 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức niêm yết.

b) Việc đấu thầu công khai của tổ chức, cá nhân thực hiện giao dịch chứng khoán với khối lượng từ 25% trở lên cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức niêm yết.

c) Các thông tin khác.

Điều 41.

1. Trung tâm giao dịch chứng khoán thực hiện việc công bố thông tin thị trường thông qua các phương tiện của Trung tâm giao dịch chứng khoán gồm: bảng hiển thị điện tử tại Trung tâm giao dịch chứng khoán, trạm đầu cuối hay các phương tiện máy tính khác trên sàn giao dịch, ấn phẩm của Trung tâm giao dịch chứng khoán.

2. Trung tâm giao dịch chứng khoán có thể sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng để công bố thông tin.

Điều 42.

1. Trung tâm giao dịch chứng khoán cung cấp thông tin về tổ chức niêm yết, công ty quản lý quỹ cho các công ty chứng khoán. Các công ty chứng khoán có trách nhiệm cung cấp lại các thông tin về tổ chức niêm yết và công ty quản lý quỹ cho nhà đầu tư.

2. Trung tâm giao dịch chứng khoán lưu giữ bảo quản thông tin thị trường theo quy định của pháp luật.

Chương 5

GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Điều 43.

1. Trung tâm giao dịch chứng khoán tổ chức giao dịch chứng khoán vào các ngày thứ Hai, thứ Tư và thứ Sáu hàng tuần, trừ các ngày nghỉ theo quy định trong Bộ luật Lao động.

2. Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quyết định thay đổi ngày giao dịch khi thấy cần thiết.

Điều 44.

1. Trung tâm giao dịch chứng khoán có thể thay đổi giờ giao dịch trong các trường hợp sau:

a) Các giao dịch không thể thực hiện được như thường lệ do hệ thống giao dịch có sự cố,

b) Khi có một nửa (1/2) số thành viên Trung tâm giao dịch chứng khoán trở lên bị sự cố về hệ thống chuyển lệnh giao dịch;

c) Các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn hay các sự cố khách quan khác.

2. Khi xảy ra các sự kiện nêu tại điểm a và b khoản 1 Điều này, Trung tâm giao dịch chứng khoán sẽ ngừng việc nhận lệnh giao dịch. Hoạt động giao dịch được tiếp tục ngay sau khi hệ thống giao dịch hoặc hệ thống chuyển lệnh của thành viên được phục hồi. Trường hợp không thể

phục hồi trước khi kết thúc phiên giao dịch thì phiên giao dịch được coi là kết thúc vào lần khớp lệnh trước đó.

3. Khi xảy ra các sự kiện nêu tại điểm c khoản 1 Điều này, Trung tâm giao dịch chứng khoán căn cứ vào tình hình cụ thể để quyết định và thông báo thay đổi giờ giao dịch.

Điều 45.

1. Trung tâm giao dịch chứng khoán tổ chức giao dịch thông qua hệ thống giao dịch theo 2 phương thức:

a) Phương thức khớp lệnh: là phương thức giao dịch được thực hiện trên cơ sở khớp các lệnh mua và lệnh bán của khách hàng theo nguyên tắc xác định giá thực hiện như sau:

a.1) Là mức giá thực hiện được khối lượng giao dịch lớn nhất;

a.2) Nếu có nhiều mức giá thỏa mãn điểm a.1 của Điều này thì mức giá trùng hoặc gần với giá thực hiện của lần khớp lệnh gần nhất sẽ được chọn;

a.3) Nếu vẫn có nhiều mức giá thỏa mãn điểm a.2 của Điều này thì mức giá cao hơn sẽ được chọn.

b) Phương thức thỏa thuận: là phương thức giao dịch trong đó các thành viên tự thỏa thuận với nhau về các điều kiện giao dịch.

2. Giao dịch chứng khoán của người đầu tư nước ngoài tại Trung tâm giao dịch chứng khoán được quản lý như sau:

a) Hệ thống giao dịch kiểm soát và công bố khối lượng chứng khoán người nước ngoài được phép mua.

b) Khối lượng chứng khoán mua của người nước ngoài được trừ vào khối lượng được phép mua ngay sau khi lệnh mua được thực hiện; khối lượng chứng khoán bán của người nước ngoài được cộng vào khối lượng chứng khoán được phép mua sau khi thanh toán giao dịch.

c) Sau khi thực hiện lệnh mua, nếu khối lượng chứng khoán được phép mua đã hết, lệnh mua chứng khoán của người nước ngoài đã được thực hiện một phần hoặc chưa thực hiện sẽ tự động bị hủy và lệnh mua được nhập tiếp vào hệ thống giao dịch sẽ không được chấp nhận.

Điều 46.

1. Lệnh giao dịch theo phương thức khớp lệnh là lệnh giới hạn do đại diện giao dịch của thành viên nhập vào hệ thống giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán.

2. Lệnh nhập vào hệ thống giao dịch không được phép hủy bỏ và có hiệu lực cho đến khi kết thúc ngày giao dịch.

3. Đại diện giao dịch chỉ được phép sửa lệnh trong trường hợp nhập sai số hiệu tài khoản giao dịch của người đầu tư. Việc sửa lệnh giao dịch chỉ có hiệu lực khi lệnh gốc chưa được thực hiện.

Điều 47. Lệnh giao dịch nhập vào hệ thống giao dịch theo phương thức khớp lệnh bao gồm các nội dung sau:

1. Lệnh mua, lệnh bán;

2. Mã chứng khoán;

3. Số lượng;

4. Giá;
5. Số hiệu tài khoản giao dịch của người đầu tư;
6. Ký hiệu lệnh giao dịch:
 - Lệnh tự doanh của thành viên (P);
 - Lệnh môi giới của thành viên (C);
 - Lệnh từ thành viên lưu ký nước ngoài (F);
 - Lệnh từ thành viên lưu ký trong nước (M).
7. Các chi tiết khác do Trung tâm giao dịch chứng khoán quy định.

Điều 48.

1. Đơn vị giao dịch thực hiện theo phương thức khớp lệnh được quy định như sau:

- a) Cổ phiếu: 100 cổ phiếu;
- b) Trái phiếu: 10 trái phiếu;
- c) Chứng chỉ quỹ đầu tư: 100 chứng chỉ.

2. Đơn vị yết giá được quy định như sau:

a) Giao dịch theo phương thức khớp lệnh:

Mức giá	Cổ phiếu	Chứng chỉ quỹ đầu tư	Trái phiếu
Ê 49.900	100 đồng	100 đồng	100 đồng
50.000 - 99.500	500 đồng	500 đồng	100 đồng
³ 100.000	1.000 đồng	1.000 đồng	100 đồng

b) Giao dịch theo phương thức thỏa thuận: Không quy định đơn vị yết giá.

Điều 49.

1. Tùy theo điều kiện và tình hình thực tế, Trung tâm giao dịch chứng khoán quy định biên độ dao động giá cụ thể trong ngày giao dịch sau khi có ý kiến chấp thuận của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Giới hạn dao động giá của chứng khoán được tính như sau:

Giá tối đa = Giá tham chiếu + (Giá tham chiếu x biên độ dao động giá).

Giá tối thiểu = Giá tham chiếu - (Giá tham chiếu x biên độ dao động giá).

3. Giá tham chiếu được xác định như sau:

a) Giá tham chiếu của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư và trái phiếu đang giao dịch bình thường là giá đóng cửa của ngày giao dịch trước đó;

b) Trường hợp chứng khoán mới được niêm yết, trong ngày giao dịch đầu tiên Trung tâm giao dịch chứng khoán nhận lệnh giao dịch không giới hạn biên độ dao động giá và lấy giá đóng cửa của ngày giao dịch làm giá tham chiếu. Biên độ dao động giá được áp dụng từ ngày giao dịch kế tiếp;

c) Trường hợp chứng khoán thuộc diện bị kiểm soát, chứng khoán không còn thuộc diện bị kiểm soát, chứng khoán bị ngừng giao dịch trên 30 ngày, thì giá tham chiếu được xác định tương tự quy định tại điểm b của Điều này;

d) Trường hợp giao dịch chứng khoán không được hưởng các quyền kèm theo, giá tham chiếu được xác định theo nguyên tắc lấy giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất điều chỉnh theo giá trị của các quyền kèm theo;

e) Trường hợp tách gộp cổ phiếu, giá tham chiếu sau khi tách gộp được xác định theo nguyên tắc lấy giá đóng cửa của ngày giao dịch trước ngày tách gộp điều chỉnh theo tỷ lệ tách gộp cổ phiếu;

f) Trong một số trường hợp cần thiết, Trung tâm giao dịch chứng khoán có thể áp dụng phương pháp xác định giá tham chiếu khác sau khi có sự chấp thuận của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 50. Thời gian giao dịch theo phương thức khớp lệnh và phương thức thỏa thuận do Trung tâm giao dịch chứng khoán quy định sau khi có sự chấp thuận của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 51. Các lệnh giao dịch nhập vào hệ thống giao dịch được khớp theo thứ tự ưu tiên sau đây:

1. Ưu tiên về giá:

a) Lệnh mua có mức giá cao hơn được ưu tiên thực hiện trước;

b) Lệnh bán có mức giá thấp hơn được ưu tiên thực hiện trước.

2. Ưu tiên về thời gian: trường hợp các lệnh mua, lệnh bán có cùng mức giá thì lệnh giao dịch được nhập trước vào hệ thống giao dịch được ưu tiên thực hiện trước.

Điều 52. Kết quả giao dịch của từng thành viên được Trung tâm giao dịch chứng khoán thông báo riêng cho đại diện giao dịch của thành viên, gồm nội dung sau đây:

1. Số hiệu của lệnh giao dịch;

2. Số hiệu xác nhận giao dịch;

3. Mã chứng khoán;

4. Giá thực hiện;

5. Số lượng mua hoặc bán;

6. Thời gian giao dịch được thực hiện

7. Lệnh mua hay bán;

8. Ký hiệu của lệnh;

9. Số hiệu tài khoản của khách hàng;

10. Số hiệu đại diện giao dịch của thành viên.

Điều 53.

1. Giao dịch lô lớn là giao dịch có khối lượng tối thiểu như sau:

a) Cổ phiếu: 10.000 cổ phiếu;

b) Chứng chỉ quỹ đầu tư: 10.000 chứng chỉ;

c) Trái phiếu: 3.000 trái phiếu.

2. Giao dịch lô lớn thực hiện theo phương thức thỏa thuận và theo quy định:

a) Đại diện giao dịch kiểm tra các chào giá của thành viên khác và nhập chào giá của mình vào hệ thống giao dịch với các nội dung:

a.1) Chào mua hoặc chào bán chứng khoán;

a.2) Mã chứng khoán;

a.3) Số lượng;

a.4) Giá;

a.5) Số điện thoại liên hệ.

b) Sau khi thỏa thuận về các điều kiện giao dịch, đại diện giao dịch bên bán nhập lệnh giao dịch đã thỏa thuận vào hệ thống giao dịch với các nội dung sau:

b.1) Mã chứng khoán;

b.2) Số lượng;

b.3) Giá

b.4) Số hiệu của thành viên bên mua;

b.5) Số hiệu đại diện giao dịch bên mua;

b.6) Ký hiệu lệnh giao dịch;

b.7) Số hiệu tài khoản giao dịch của người đầu tư.

c) Kết quả giao dịch thỏa thuận được hiển thị trên màn hình của đại diện giao dịch thành viên tại Trung tâm giao dịch chứng khoán. Đại diện giao dịch chịu trách nhiệm kiểm tra các giao dịch đã hoàn tất gồm các nội dung sau:

c.1) Mã chứng khoán;

c.2) Giao dịch theo phương thức thỏa thuận;

c.3) Số hiệu xác nhận giao dịch;

c.4) Số hiệu tài khoản của người đầu tư;

c.5) Trạng thái của giao dịch;

c.6) Bên đối tác trong giao dịch;

c.7) Ký hiệu lệnh giao dịch.

3. Giao dịch lô lẻ được thực hiện trực tiếp giữa người đầu tư với công ty chứng khoán thành viên theo nguyên tắc thỏa thuận về giá. Hàng tháng, công ty chứng khoán thành viên có trách nhiệm báo cáo kết quả giao dịch lô lẻ với Trung tâm giao dịch chứng khoán.

Điều 54.

1. Tổ chức niêm yết muốn mua hoặc bán cổ phiếu ngân quỹ phải nộp đơn xin phép theo quy định của Trung tâm giao dịch chứng khoán.

2. Tổ chức niêm yết được mua lại không quá 30% tổng số cổ phiếu phổ thông, một phần hoặc toàn bộ số cổ phiếu khác đã phát hành. Trong mỗi ngày giao dịch, tổ chức niêm yết chỉ được đặt lệnh một lần với khối lượng tối thiểu bằng 3% và khối lượng tối đa bằng 5% tổng khối lượng xin phép trong đơn. Trường hợp đặc biệt, Trung tâm giao dịch chứng khoán có thể cho phép tổ chức niêm yết đặt lệnh giao dịch vượt quá 5% khối lượng xin phép trong đơn.

3. Trường hợp tổ chức niêm yết mua lại cổ phiếu ngân quỹ vượt quá tỷ lệ 25% cổ phiếu có quyền biểu quyết, phải thực hiện thông qua phương thức đấu thầu theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Tổ chức niêm yết phải kết thúc việc mua hoặc bán lại cổ phiếu niêm yết trong vòng 3 tháng kể từ ngày được chấp thuận. Trường hợp mua lại, tổ chức niêm yết chỉ được phép bán sau khi đã nắm giữ tối thiểu 6 tháng.

Điều 55.

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện giao dịch làm thay đổi việc nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc không còn nắm giữ 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức niêm yết phải báo cáo Trung tâm giao dịch chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày thanh toán giao dịch.

2. Tổ chức, cá nhân muốn thực hiện giao dịch chứng khoán với khối lượng từ 25% trở lên cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức niêm yết phải tổ chức đấu thầu công khai theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 56. Lỗi giao dịch của thành viên phát sinh do nhầm lẫn, sai sót (về lệnh mua hoặc bán, loại chứng khoán, giá cả, số lượng) trong quá trình nhận lệnh, xử lý lệnh hoặc trong quá trình chuyển, nhập lệnh vào hệ thống giao dịch, thành viên phải báo cáo Trung tâm giao dịch chứng khoán về lỗi giao dịch và chịu trách nhiệm giải quyết với khách hàng về lỗi giao dịch của mình. Trung tâm giao dịch chứng khoán quy định cụ thể các nguyên tắc và cách thức sửa lỗi giao dịch của thành viên.

Điều 57.

1. Khi đặt lệnh mua, bán chứng khoán, số dư tài khoản của khách hàng mở tại thành viên phải đáp ứng quy định ký quỹ tương đương 100% giá trị chứng khoán đặt mua hoặc đủ số lượng chứng khoán đặt bán;

2. Lệnh giao dịch tự doanh của thành viên không cần ký quỹ đảm bảo.

3. Trước khi nhập lệnh vào hệ thống giao dịch, công ty chứng khoán có trách nhiệm kiểm tra tỷ lệ nắm giữ chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài thông qua tài khoản tại thành viên lưu ký nước ngoài.

Điều 58.

1. Trường hợp giá, khối lượng giao dịch của một loại chứng khoán nào đó biến động bất thường, Trung tâm giao dịch chứng khoán quy định ký hiệu cảnh báo và có thể quyết định tạm ngừng giao dịch đối với loại chứng khoán đó và yêu cầu tổ chức niêm yết công bố thông tin.

2. Trường hợp tách hoặc gộp cổ phiếu, Trung tâm giao dịch chứng khoán ngừng giao dịch loại cổ phiếu đó cho đến khi việc tách hoặc gộp cổ phiếu hoàn tất.

3. Trung tâm giao dịch chứng khoán có thể quyết định tạm ngừng giao dịch một loại chứng khoán nào đó nhằm bảo vệ lợi ích chung của công chúng đầu tư hoặc nhằm đảm bảo hoạt động công bằng và ổn định của thị trường.

4. Trung tâm giao dịch chứng khoán quy định các ký hiệu trên bảng điện tử và công bố trên các phương tiện thông tin của Trung tâm giao dịch chứng khoán về các trường hợp quy định tại các điểm c, d, e khoản 3 của Điều 49 và các khoản 1, 3 của Điều này.

Điều 59. Nghiêm cấm nhà đầu tư đồng thời đặt lệnh mua và bán một loại chứng khoán trong cùng một ngày giao dịch.

Điều 60.

1. Chứng khoán thuộc diện bị kiểm soát khi rơi vào tình trạng quy định tại các Điều 29 và 30 Quy chế này và không còn thuộc diện bị kiểm soát khi tổ chức niêm yết khắc phục được tình trạng đó.

2. Khi chứng khoán thuộc diện bị kiểm soát hoặc không còn thuộc diện bị kiểm soát, Trung tâm giao dịch chứng khoán ngừng giao dịch chứng khoán để xác định lại giá tham chiếu cho chứng khoán đó.

Chương 6

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 61. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quyết định.